

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HS-ST

Ngày: 21/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Trương Thế Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Minh H;** Sinh ngày: 11/8/1994; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 157/52/1 đường MXT, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: 157/52/19/15 đường MXT, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Minh H1 và bà: Nguyễn Thị Bạch Y; Có vợ: Không và con: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 01/3/2019.

Tiền án: Ngày 27/02/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 15/2014/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/4/2017 và hình phạt bổ sung ngày 24/11/2014 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 268/GCN của Trại giam Xuyên Mộc và Phiếu cung cấp thông tin số: 909/CCTHA ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiền sự:

- Ngày 19/9/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định Cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng 06 tháng (Quyết định số: 321/QĐ-UBND). Chấp hành xong ngày 03/10/2017 (Giấy chứng nhận số: 17/GCN-UBND).

- Ngày 18/10/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng ma túy (Quyết định số: 351/QĐ-UBND). Chấp hành xong ngày 18/01/2018 (Giấy chứng nhận số: 02/GCN-UBND).

(có mặt)

2. **Nguyễn Chí D**; Sinh ngày: 01/9/1974; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 36 đường, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà: Nguyễn Thị Xe; Có vợ: Không và con: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 01/3/2019.

Tiền án: Ngày 27/9/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 1439/2006/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/12/2013 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1891/GCN của Trại giam Xuân Lộc). Chưa nộp tiền án phí và tiền phạt (Công văn trả lời xác minh số: 1505/CCTHADS ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiền sự:

- Ngày 27/4/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 59/2016/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 02/12/2017 (Giấy chứng nhận số: 567/GCN-CSCNMTBL ngày 28/11/2017 của Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lá).

- Ngày 12/6/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng ma túy (Quyết định số: 194/QĐ-UBND). Chấp hành xong ngày 12/9/2018 (Giấy chứng nhận số: 80/GCN-UBND).

- Ngày 13/12/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 332/QĐ-TA), nhưng bỏ trốn không chấp hành và ngày 19/12/2018, Công an Quận 6 đã ra Quyết định truy tìm (Quyết định số: 4575/QĐ-CAQ).

Nhân thân:

- Ngày 05/12/1994, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội «Cố ý gây thương tích» (Bản án số: 257/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/1995 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 07/GCN của Trại giam Huy Khiêm).

- Ngày 13/5/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 71/STHS).

- Ngày 15/12/2000, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng (Quyết

định số: 481/QĐ/UB-NC). Chấp hành xong ngày 21/12/2002 (Giấy chứng nhận số: 702/GCN của Cơ sở giáo dục Huy Khiêm).

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Lương Tuyết T; Sinh năm: 1955; Trú tại: 958/5 đường LG, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Hữu T1; Sinh năm: 1991; Thường trú: Thôn LB, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

(vắng mặt)

2. Ông Phạm Mạnh Q; Sinh năm: 1972; Trú tại: 168/13/9E đường LTBC, Phường K, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/3/2019, Nguyễn Minh H điều khiển xe gắn máy biển số 51K4-0638 chở Nguyễn Chí D lưu thông trên đường Lò Gốm (theo hướng từ đường BS về đường LG). Khi chạy đến trước nhà số 958/30 đường LG, Phường H, Quận I, H phát hiện bà Lương Tuyết T đang đi bộ cùng chiều phía trước và trên cổ bà T có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, nên chỉ cho D thấy và nói để H giật sợi dây chuyền này. Sau khi D đồng ý, H từ phía sau chạy lên áp sát bên phải bà T rồi dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền trên cổ bà T. Xong, H đưa sợi dây chuyền cho D cầm và vọt xe tẩu thoát, nhưng do không làm chủ tốc độ, tay lái, H để xe té ngã, H và D liền bỏ xe, đồng thời vứt sợi dây chuyền vừa giật được của bà T lại rồi chạy bộ định tẩu thoát thì bị những người xung quanh đuổi theo bắt giữ giao Công an Phường 8, Quận 6 giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc xe gắn máy biển số 51K4-0638, 01 bộ đoạn bằng kim loại, 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu MI, 01 chiếc hiệu Intel).

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6: Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đều khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Ngày 02/5/2019, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 44cm, được niêm phong trong một phong bì trắng có hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6 là vàng thật hay giả. Nếu vàng thật là loại vàng gì, có trọng lượng bao nhiêu. Và theo Thông báo kết quả giám định số: 0181/N1.19/TĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thì:

- Tên gọi, khối lượng: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 44cm là dây chuyền bằng hợp kim vàng, có khối lượng 5,3011 gam.

- Thành phần hóa học xác định trên bề mặt của mẫu bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF):

+ Phần dây (vàng 58,7%, bạc 23,7%, đồng 17,5%), là vàng 14K.

+ Phần khoen nối (vàng 62,2%, bạc 18,9%, đồng 18,8%), là vàng 14K.

+ Phần khóa (vàng 62%, bạc 25,5%, đồng 12,4%) là vàng 14K.

Tại Văn bản số: 765/TCKH ngày 20 tháng 5 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44cm, trọng lượng 1,4174 chỉ (theo Thông báo kết quả giám định số: 181/N1.19TĐ), có giá là: 2.874.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 94/CT-VKS ngày 24 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đều khai nhận chính các bị cáo, đã sử dụng xe gắn máy loại xe Yamaha Sirius (các bị cáo không nhớ biển số) thực hiện hành vi giật 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng của bà Lương Tuyết T tại trước nhà số 958/30 đường LG, Phường H, Quận I vào tối ngày 01/3/2019 và bị bắt quả tang như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Chí D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Lương Tuyết T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy có số khung 40BY-437781, số máy 5C64-437781 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, dung tích 110).

Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ đoàn bằng kim loại (một đầu dẹp, một đầu hình lục giác) và 01 biển số xe 51K4-0638 giả.

Các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và điều xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại Lương Tuyết T, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đã phạm tội «Cướp giật tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đã dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật của bà Lương Tuyết T 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (dài 44cm, trọng lượng 1,4174 chỉ) trị giá 2.874.000 đồng, là phạm tội «Cướp giật tài sản» thuộc trường hợp: «Dùng thủ đoạn nguy hiểm» theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D là liều lĩnh. Hành vi này không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đều là những người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Minh H là người chủ động rủ rê và trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Nguyễn Chí D ngoài việc giúp sức tích cực cho bị cáo H, còn là người tạo động lực cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, bởi tại phiên tòa chính các bị cáo cũng đã thừa nhận nếu không có sự đồng ý của bị cáo D thì bị cáo H sẽ không thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền của bà T. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công, không có sự câu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn.

[4] Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý (bị cáo Nguyễn Minh H ngày 27/02/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản»; bị cáo Nguyễn Chí D ngày 27/9/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy»), chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng do cố ý là «Tái phạm nguy hiểm» thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[5] Mặt khác, bị cáo Nguyễn Minh H ngày 19/9/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 quyết định Cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng 06 tháng; ngày 18/10/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng ma túy. Còn bị cáo Nguyễn Chí D thì ngày 27/4/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 12/6/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng ma túy; ngày 13/12/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Chí D còn có nhân thân rất xấu, đó là ngày 05/12/1994, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 15 tháng tù về tội «Cố ý gây thương tích»; ngày 13/5/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 30 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân»; ngày 15/12/2000, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Cho thấy, các bị cáo tuy đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần, nhưng vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[6] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D là rất nghiêm trọng, bởi cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn nạn nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không

lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét các bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Lương Tuyết T đã nhận lại tài sản là 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2019 của Công an Quận 6; Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/5/2019 - BL58, 59, 189), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 51K4-0638 mà các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Phiếu trả lời xác minh ngày 06/5/2019 của Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL75) thì chiếc xe này có số khung 40BY-437781, số máy 5C64-437781 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, dung tích 110), do ông Trần Hữu T1 trú tại thôn LB, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an xã Phước Thắng được biết ông Tài đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được. Ngày 10/5/2019 và ngày 19/6/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn bị cáo Nguyễn Chí D khai mượn chiếc xe này từ một người tên Hoàng (không rõ lai lịch) tại tiệm game bắn cá trên đường Bãi Sậy. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ. Riêng biển số 51K4-0638 là biển số giả, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, vì theo Phiếu trả lời xác minh ngày 13/3/2019 của Công an Quận 6 (BL78) thì biển số 51K4-0638 thật là của chiếc xe gắn máy có số máy JC35E-0396838, số khung Y-307051 (loại xe hai bánh,

nhãn hiệu Honda, sơn màu Đen Xám Bạc, dung tích 124), do ông Phạm Mạnh Q đứng tên chủ xe và chiếc này đã bị mất trộm trên địa bàn Quận 11.

Đối với 01 bộ đoàn bằng kim loại (một đầu dẹp, một đầu hình lục giác) thu giữ của bị cáo Nguyễn Chí D, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 41/PNK ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Công an Quận 6 - BL191).

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu MI màu trắng (có ốp nhựa màu đen) và chiếc điện thoại di động hiệu Intel thu giữ của bị cáo Nguyễn Chí D, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo, nên đã xử lý trả lại cho bị cáo (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/5/2019 - BL188) và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xử lý, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D** phạm tội «Cướp giật tài sản».

- Căn cứ điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh H** 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2019.

- Căn cứ điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí D** 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2019.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy có số khung 40BY-437781, số máy 5C64-437781 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, dung tích 110), nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể

từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bộ đồ án bằng kim loại (một đầu đẹp, một đầu hình lục giác) và 01 (một) biển số xe 51K4-0638 giả.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Chí D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên